

# Lợi ích và thách thức của việc sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong lớp học tiếng Anh tại Trường Tiểu học Châu Văn Liêm

Phạm Hồng Thy<sup>1</sup>, Phan Phạm Nguyệt Quế<sup>2</sup>, Nguyễn Ngọc Lynh Đan<sup>3</sup>, Hà Thị Yến Nhi<sup>4</sup>

<sup>134</sup>Khoa Ngoại ngữ, Đại học Công nghệ Đồng Nai, Biên Hòa, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Tiểu Học Châu Văn Liêm, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Received: 15/05/2024; Accepted: 28/05/2024; Published: 03/06/2024

**Abstract:** This study aims to explore the benefits and challenges of using Technology-Enhanced Language Learning (TELL) in teaching English with Information and Communication Technologies (ICT) at Chau Van Liem Primary School. Both qualitative and quantitative research methods were employed in this study. Participants included 2 English teachers and 100 third and fifth-grade students. The results indicate that the application of TELL brings numerous benefits, such as increasing students' concentration and motivation, helping them develop collaboration skills and self-assessment in the English learning process. Additionally, several challenges were identified, including issues related to ICT skills, infrastructure, teacher attitudes, and classroom time management.

**Keywords:** Technology-Enhanced Language Learning (TELL), technology, language teaching and learning.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh công nghệ ngày càng phát triển, phương pháp giảng dạy truyền thống đã khiến phần lớn học sinh nhàm chán. Giáo viên tại trường tiểu học Châu Văn Liêm đang nghiên cứu cách kết hợp công nghệ thông tin vào bài giảng để tạo động lực cho học sinh. Đặc biệt, họ quan tâm đến việc áp dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh, một lĩnh vực ít được khai thác ở cấp độ này. Mục tiêu là giúp giáo viên hiểu rõ hơn về lợi ích và thách thức của việc sử dụng công nghệ này để cải thiện chất lượng dạy và học tiếng Anh.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Khái niệm về công nghệ thông tin hỗ trợ học ngôn ngữ (TELL)

Trong giáo dục, công nghệ được cho là sẽ cải thiện việc học, dẫn đến sự phổ biến của thuật ngữ “công nghệ thông tin hỗ trợ học ngôn ngữ” (TELL) ở Châu Âu và trên thế giới. Hiệp hội Hệ thống Dữ liệu định nghĩa TELL là “bất kỳ cơ sở hoặc hệ thống trực tuyến nào hỗ trợ trực tiếp việc học và dạy” (Walker, Voce, & Ahmed, 2012, tr.2). Các thuật ngữ đồng nghĩa như hướng dẫn có sự hỗ trợ của máy tính, công nghệ giáo dục và học trực tuyến cũng được sử dụng (ChanLin, Horng, Chang, & Chu, 2006). Goodyear và Retails (2010) tóm lược rằng công nghệ hỗ trợ học tập qua việc truy cập tài liệu, giao tiếp, học tập hợp tác, và nâng cao kiến thức kỹ thuật số. TELL chú trọng vào việc sử dụng công nghệ để hỗ trợ học tập,

cả tại chỗ và từ xa, bao gồm các công nghệ như phim tài liệu, đài phát thanh, và ngày nay là điện thoại thông minh, máy chiếu, máy tính để bàn, iPad, v.v.

### 2.2. Các nghiên cứu trước

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã kiểm chứng việc sử dụng TELL trong giảng dạy ngôn ngữ từ các góc độ khác nhau. Yang & Chen (2007) cho thấy tích hợp công nghệ giúp học sinh trải nghiệm và tăng khả năng học tập. Ghanizadeh et al. (2015) phát hiện công nghệ mở rộng việc học và cải thiện kỹ năng ngôn ngữ. Phạm Ngọc Thạch (2018) cho thấy công nghệ thay đổi cách dạy và học ngôn ngữ, mang lại lợi ích tích cực cho học sinh. Van Rensburg và La Thanh Triet (2021) chỉ ra việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy ở Việt Nam còn chậm và hạn chế do thiếu hạ tầng và niềm tin vào TELL. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào điều tra thách thức của TELL ở bậc tiểu học tại Việt Nam, do đó nghiên cứu này nhằm lấp đầy khoảng trống này và góp phần vào tài liệu TELL cho giảng dạy và học EFL ở bậc tiểu học.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp hỗn hợp giải thích tuần tự. Thiết kế này được đặc trưng bởi việc thu thập dữ liệu định tính được thực hiện sau khi định lượng. Hai công cụ nghiên cứu được sử dụng là bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc.

### 3.2. Quy trình thu thập dữ liệu

Giới thiệu mục đích nghiên cứu, cam kết bảo mật

và yêu cầu học sinh lớp 3 và lớp 5 làm khảo sát trong 10 phút trong giờ giải lao (30 phút). Thời gian tiến hành khảo sát từ 1/6/2021 đến 10/6/2021. Về dữ liệu phỏng vấn, sử dụng chọn mẫu có mục đích, mời giáo viên ngoại ngữ tại TTHCVL tham gia phỏng vấn bán cấu trúc qua điện thoại do Covid, kéo dài 20-30 phút và ghi âm có sự đồng ý.

### 3.3. Quy trình phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 để thu các thông kê mô tả (tần số, Min, Max, Mean, SD), sau đó trình bày trong các bảng. Dữ liệu định tính từ các cuộc phỏng vấn được phân tích nội dung quy nạp, làm nổi bật các ý kiến tương tự bằng màu sắc và nhóm các phát hiện thành các ý chính.

## 4. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Kết quả

#### 4.1.1. Thực trạng của việc sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong lớp học tiếng Anh tại trường tiểu học Châu Văn Liêm

Theo thống kê mô tả (tần số, Min, Max, Mean, SD) từ bảng câu hỏi thể hiện ở Bảng 4.1, việc sử dụng các công cụ ICT tại địa điểm nghiên cứu là hạn chế.

**Bảng 4.1. Tần suất sử dụng công cụ ICT của giáo viên và học tập tích cực của học sinh; và đánh giá của học sinh về việc sử dụng công cụ ICT của giáo viên**

Khía cạnh	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Việc sử dụng công cụ ICT của giáo viên	11%	24%	19%	35%	11%	1	5	3.11	1.214
Học tập tích cực của học sinh	26%	21%	4%	40%	9%	1	5	2.85	1.417
Mức độ hữu ích của việc sử dụng công cụ ICT của giáo viên	0%	44%	12%	25%	19%	2	5	3.19	1.195

Tần suất sử dụng ICT của giáo viên (“luôn luôn” và “thường xuyên”) là 45%, trong khi “hiếm khi” và “không bao giờ” là 46%. Tương tự, 47% học sinh tham gia tích cực vào các bài học sử dụng ICT, nhưng 49% không đồng ý. Máy chiếu là công cụ ICT phổ biến nhất (43%), tiếp theo là máy tính để bàn (29%) và từ điển điện tử (19%). iPad và bảng tương tác ít phổ biến (5% và 4%). Đánh giá tổng thể của học sinh về việc sử dụng ICT của giáo viên là trung bình (M=3.19, SD=1.195), với 44% đồng ý và 44% không đồng ý về mức độ hữu ích của ICT. Hai giáo viên được phỏng vấn cho biết họ chủ yếu sử dụng máy chiếu và gặp khó khăn với quản lý lớp học và kết nối Wifi. Học sinh có thể hứng thú ban đầu với ICT nhưng sẽ chán nếu sử dụng lặp lại. Tóm lại, việc sử dụng ICT tại trường Tiểu Học Châu Văn Liêm là

ít thường xuyên, với hiệu quả phụ thuộc vào cách sử dụng của giáo viên.

#### 4.1.2. Lợi ích của việc sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong lớp học tiếng Anh tại trường tiểu học Châu Văn Liêm

a. Kết quả từ bảng câu hỏi cho học sinh

Mặc dù hiện tại việc áp dụng công cụ ICT còn hạn chế, học sinh tham gia khảo sát cho thấy họ đồng ý với các lợi ích mà công cụ này mang đến trong việc học tiếng Anh (Bảng 4.2).

**Bảng 4.2. Sự tiện lợi và động lực học tiếng Anh với công cụ ICT**

Câu phát biểu	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Nhờ các công cụ ICT, tôi thấy tiện lợi hơn khi học tiếng Anh [mục 1]	0%	7%	1%	33%	59%	2	5	4.44	.833
Nhờ các công cụ ICT, tôi thấy thú vị hơn khi học tiếng Anh [mục 5]	0%	5%	18%	55%	22%	2	5	3.94	.776
Nhờ các công cụ ICT, tôi có thể tự học tiếng Anh [mục 10]	0%	2%	7%	45%	46%	2	5	4.35	.702

Học sinh đồng ý rằng công cụ ICT giúp họ học tiếng Anh tiện lợi hơn (MEAN=4.44), tự học tốt hơn (MEAN=4.35), và thấy học tiếng Anh thú vị hơn (MEAN=3.94).

**Bảng 4.3. Lợi ích của công cụ ICT trong kiến thức tiếng Anh của học sinh**

Câu phát biểu	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Nhờ các công cụ ICT, tôi dễ dàng cải thiện kiến thức từ vựng [mục 2]	0%	5%	4%	46%	45%	2	5	4.31	.775
Nhờ các công cụ ICT, tôi dễ dàng cải thiện kiến thức ngữ pháp [mục 6]	0%	6%	15%	42%	37%	2	5	4.10	.870
Nhờ các công cụ ICT, tôi dễ dàng cải thiện phát âm [mục 9]	1%	2%	5%	52%	40%	1	5	4.28	.740

Bảng 4.3 cho thấy học sinh xác nhận ICT giúp cải thiện từ vựng (MEAN=4.31), ngữ pháp (MEAN=4.10), và phát âm (MEAN=4.28).

**Bảng 4.4. Lợi ích của công cụ ICT trong phát triển kỹ năng ngôn ngữ của học sinh**

Câu phát biểu	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Nhờ các công cụ ICT, tôi cải thiện kỹ năng nghe và nói [mục 3]	0%	8%	19%	32%	41%	2	5	4.06	.962
Nhờ các công cụ ICT, tôi cải thiện kỹ năng đọc và viết [mục 4]	1%	2%	3%	49%	45%	1	5	4.35	.730

Bảng 4.4 thể hiện học sinh đồng ý ICT giúp cải thiện kỹ năng đọc và viết (MEAN=4.35), cũng như nghe và nói (MEAN=4.06).

**Bảng 4.5. Lợi ích của công cụ ICT trong tự đánh giá học tập và hợp tác với bạn bè**

Câu phát biểu	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Nhờ các công cụ ICT, tôi dễ dàng tự đánh giá tiến bộ học tiếng Anh [mục 7]	1%	3%	7%	62%	27%	1	5	4.11	.737
Nhờ các công cụ ICT, tôi hợp tác tốt với bạn học [mục 8]	0%	4%	9%	55%	32%	2	5	4.15	.744

Bảng 4.5 cho kết quả rằng học sinh xác nhận ICT giúp tự đánh giá tiến bộ học tập (MEAN=4.11) và hợp tác tốt với bạn bè (MEAN=4.15).

**b. Kết quả từ phỏng vấn giáo viên**

Giáo viên chia sẻ ba lợi ích chính của việc sử dụng công cụ ICT bao gồm việc sử dụng công cụ ICT giúp tăng sự hứng thú tham gia các hoạt động của học sinh trong lớp, nâng cao chất lượng bài giảng và cải thiện năng lực giảng dạy của giáo viên.

Tóm lại, việc sử dụng công cụ ICT giúp học sinh tham gia tích cực hơn và nâng cao khả năng về ngôn ngữ, trong khi giáo viên có thể thiết kế bài giảng tốt hơn và phát triển chuyên môn.

**4.1.3. Những thách thức khi sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong lớp học tiếng Anh tại Trường Tiểu học Châu Văn Liêm là gì?**

**a. Kết quả từ bảng khảo sát cho học sinh**

Học sinh nhận thấy những khó khăn của giáo viên khi sử dụng các công cụ CNTT, thời gian dạy hạn chế và thiếu sự hợp tác giữa các học sinh là những thách thức nổi bật. Ngược lại, động lực của giáo viên khi sử dụng các công cụ này và sự lười đọc tài liệu in của học sinh không phải là vấn đề đáng chú ý (Bảng 4.6)

**Bảng 4.6. Những thách thức nổi bật nhất khi sử dụng công cụ CNTT**

Các tuyên bố	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Giáo viên thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ [mục 3]	0%	2%	6%	38%	54%	2	5	4.44	0.701
Nguồn tài nguyên thời gian thực không đủ [mục 5]	0%	2%	6%	39%	53%	2	5	4.43	0.700
Việc sử dụng thường xuyên công cụ CNTT ngăn cản tôi hợp tác với người khác [mục 8]	0%	2%	6%	39%	53%	2	5	4.43	0.700

Thách thức nổi bật nhất là giáo viên thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ (MEAN=4.44, SD=0.701). Hai thách thức tiếp theo là thời gian dạy còn hạn chế và

việc hợp tác giữa học sinh bị giảm (MEAN=4.43, SD=0.700).

**Bảng 4.7. Những thách thức ít nổi bật nhất khi sử dụng công cụ CNTT**

Các tuyên bố	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Giáo viên không hứng thú sử dụng công cụ CNTT [mục 4]	0%	5%	37%	38%	20%	2	5	3.73	0.839
Việc sử dụng thường xuyên công cụ CNTT khiến tôi lười đọc tài liệu tiếng Anh in [mục 9]	0%	5%	51%	34%	10%	2	5	3.49	0.745

Hai thách thức ít nổi bật nhất là giáo viên không hứng thú sử dụng công cụ CNTT và học sinh lười đọc tài liệu in (MEAN=3.73, SD=0.839; MEAN=3.49, SD=0.745).

**Bảng 4.8. Các thách thức khác khi sử dụng công cụ CNTT**

Các tuyên bố	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	Min	Max	Mean	SD
Khó chọn công cụ tốt nhất để học tiếng Anh [mục 6]	0%	2%	11%	39%	48%	2	5	4.33	0.753
Thiếu công cụ CNTT để học tiếng Anh [mục 2]	0%	2%	9%	47%	42%	2	5	4.29	0.715
Việc sử dụng thường xuyên công cụ CNTT khiến tôi lười nói tiếng Anh trực tiếp [mục 7]	0%	2%	6%	39%	53%	2	5	4.28	0.712
Tôi không thể tiếp cận công nghệ học tiếng Anh mới [mục 1]	0%	2%	11%	46%	41%	2	5	4.26	0.733

Trong các thách thức khác, “Khó chọn công cụ tốt nhất để học tiếng Anh” chiếm tỉ lệ cao nhất (MEAN=4.33, SD=0.753). Tiếp theo là “Thiếu công cụ CNTT để học tiếng Anh” và “Việc sử dụng thường xuyên công cụ CNTT khiến tôi lười nói tiếng Anh trực tiếp” (MEAN=4.29, SD=0.715; MEAN=4.28, SD=0.712).

**b. Kết quả từ phỏng vấn giáo viên**

Các ghi chú từ cuộc phỏng vấn nêu rõ năm khó khăn chính khi sử dụng công nghệ giảng dạy: không thể áp dụng công nghệ cho mọi bài học, sự không sẵn sàng cho môi trường học TELL, thiếu đào tạo hiệu

quả, khó khăn trong đánh giá hiệu quả giảng dạy và học tập, và thiếu đầu tư vào thiết bị CNTT. Tóm lại, học sinh và giáo viên gặp nhiều thách thức trong việc sử dụng CNTT trong lớp học tiếng Anh, bao gồm năng lực công nghệ của giáo viên, nguồn tài nguyên, công cụ và đào tạo cần thiết.

### 5. Kết luận

Nghiên cứu tại Trường Tiểu Học Châu Văn Liêm sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng để kiểm tra lợi ích và thách thức của TELL trong lớp học tiếng Anh. Học sinh thấy TELL thu hút, tăng động lực, cải thiện kỹ năng ngôn ngữ và hỗ trợ học tập hợp tác. Giáo viên thấy TELL tăng hứng thú và nâng cao chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, cả hai đều gặp thách thức với cơ sở vật chất, kỹ năng công nghệ và lạm dụng công nghệ. Giáo viên lo ngại TELL không phù hợp mọi bài học và thiếu đầu tư thiết bị, đào tạo.

### Tài liệu tham khảo

1. ChanLin, L., Horng, J., Chang, S., & Chu, C. (2006). Factors influencing technology integration in teaching: A Taiwanese perspective. *Innovations in Education and Teaching International*, 43(1), 57–68.
2. Ghanizadeh, A., Razavi, A., & Jahedizadeh, S. (2015). Technology-enhanced language

learning (TELL): A review of resources and upshots. *International Letters of Chemistry, Physics and Astronomy*, 54, 73-87

3. Goodyear, P., & Retalis, S. (Eds.). (2010). *Technology-enhanced learning: Design patterns and pattern languages*. Rotterdam: Sense Publishers.

4. Pham Ngoc Thach (2018). Learner-content interaction in an online English learning course at a Vietnamese university. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(5).

5. Van Rensburg, H., & La Thanh Triet (2021). Impacts of using technology-enhanced language learning in second language academic writing at a Vietnamese university. In *Teaching and learning innovations in higher education*. Libri Publishing Ltd., Oxfordshire, United Kingdom, pp. 147-172.

6. Walker, R., Voce, J., & Ahmed, J. (2012). *Survey of technology enhanced learning for higher education in the UK*. Oxford: Universities and Colleges Information Systems Handover Version 32 Association.

7. Yang, S. C., & Chen, Y. J. (2007). Technology-enhanced language learning: A case study. *Computers in human behavior*, 23(1), 860-879.

---

## Sự tiến bộ của công nghệ và nghiên cứu..... (tiếp theo trang 105)

### 3. Kết luận

Những tiến bộ công nghệ hứa hẹn sẽ thúc đẩy NCKH và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, việc nhận ra tiềm năng này đòi hỏi một cách tiếp cận đa sắc thái nhằm giải quyết cả cơ hội và thách thức vốn có trong bối cảnh đang phát triển nhanh chóng này. Bằng cách nắm lấy khám phá sử dụng nhiều dữ liệu, ủng hộ các sáng kiến khoa học mở, ưu tiên các cân nhắc về đạo đức và thúc đẩy văn hóa đổi mới, các bên liên quan có thể điều hướng sự phức tạp của tiến bộ công nghệ trong NCKH một cách tự tin và chính trực. Khi chúng ta bắt tay vào hành trình tìm tòi và khám phá này, chúng ta hãy kiên định với cam kết tận dụng công nghệ để cải thiện nhân loại, đảm bảo rằng lợi ích của NCKH được chia sẻ một cách công bằng và bền vững cho các thế hệ mai sau.

### Tài liệu tham khảo

1. Klaus Schwab (2017). *The Fourth Industrial Revolution*, World Economic Forum, Geneva Switzerland.
2. Ian Foster, Rayid Ghani, Ron S. Jarmin, Frauke Kreuter, Julia Lane (2016). *Big Data and Social Science: A Practical Guide to Methods and Tools*,

CRC Press Taylor & Francis Group, New York.

3. Tony Hey, Stewart Tansley, Kristin Michele Tolle (2009). *The Fourth Paradigm: Data-Intensive Scientific Discovery*, Microsoft Research.

4. Microsoft Corporation (2018). *The Future Computed: Artificial Intelligence and its Role in Society*, Microsoft Corporation.

5. Tim Davies, Stephen B. Walker, Mor Rubinstein (2019). *The State of Open Data: Histories and Horizons*, African Minds, IDRC.

6. Clayton M. Christensen (2016). *The Innovator's Dilemma: When New Technologies Cause Great Firms to Fail*, Harvard Business Review Press.

7. Arthur L. Caplan and Brendan Parent (2017). *The Ethical Challenges of Emerging Medical Technologies*, Routledge.

8. Daniele Archibugi and Andrea Filippetti (2015). *The Handbook of Global Science, Technology, and Innovation*, Wiley-Blackwel.

9. Shoshana Zuboff (2019). *The Age of Surveillance Capitalism: The Fight for a Human Future at the New Frontier of Power*, PublicAffairs Books.